

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn xã Thanh An

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Sau đây gọi tắt là Chương trình);
2. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
3. Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;
4. Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;
5. Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;
6. Kết luận số 380-KL/TU ngày 28/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;
7. Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022;
8. Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

9. Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: Từ năm 2022 đến Năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

10. Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 04/5/2023 của UBND huyện Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn huyện.

UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện (viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU ĐẾN NĂM 2025.

1. Mục tiêu tổng quát Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong xã, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, liên kết với các vùng phát triển; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số (DTTS); xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến năm 2025

a. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 02 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS hàng năm giảm xuống 0,5%.

- Năm 2023 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,5%.

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

- Cơ sở hạ tầng vùng DTTS: Đảm bảo 100% các tuyến đường ấp, sóc nối liền với xã được nhựa hóa, bê tông hóa.

- Văn hóa xã hội vùng DTTS: Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng các làng nghề truyền thống như dệt thổ cẩm của đồng bào DTTS;

100% hộ gia đình được xem truyền hình; 100% các nhà văn hóa ấp, sóc vùng dân tộc được nâng cấp sửa chữa và đưa vào hoạt động hiệu quả.

- Về y tế: Tăng cường công tác y tế để đồng bào được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại, 100% hộ gia đình DTTS vùng khó khăn tham gia khám, chữa bệnh bằng thẻ BHYT, 100% phụ nữ người dân tộc thiểu số có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế; không chế tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 0.2%, 100% trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng.

- Môi trường sống vùng DTTS: Hạn chế thiệt hại do các sự cố môi trường, thiên tai, bố trí lại khu chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhà vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh môi trường nông thôn.

b. Một số nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu

- Hỗ trợ các điều kiện để thoát nghèo cho 35 hộ đồng bào DTTS (hỗ trợ nhà ở, công trình nước sinh hoạt, điện lưới, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, sinh kế, giải quyết việc làm ...)

- Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa 100% các tuyến đường ấp, sóc nối liền với xã.

- Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho các trường tiểu học, trung học cơ sở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Xây dựng 01 nhà văn hóa ấp, sóc vùng dân tộc và miền núi.

- Trên 90% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS.

- Tổ chức lớp nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình MTQG dân tộc và miền núi ở các cấp; thực hiện đầu tư bảo tồn làng, bản... truyền thống tiêu biểu của các DTTS gắn với phát triển du lịch; bảo tồn các lễ hội truyền thống tiêu biểu; xây dựng tủ sách cho các Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp, sóc vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

a) Chương trình được triển khai thực hiện trên địa bàn các ấp, sóc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên phạm vi của xã;

b) Triển khai địa bàn cả xã áp dụng thực hiện nhóm chính sách hỗ trợ cho hộ DTTS nghèo tại Dự án 1 (Tích hợp, lồng ghép Chương trình đặc thù của tỉnh giảm 1.000 hộ nghèo DTTS từ năm 2023).

2. Đối tượng thụ hưởng

a) Xã, ấp, sóc vùng đồng bào DTTS và MN.

b) Hộ gia đình, cá nhân người DTTS.

c) Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, ấp, sóc đặc biệt khó khăn.

d) Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, ấp, sóc đặc biệt khó khăn.

3. Định mức hỗ trợ

a) Nguồn ngân sách Trung ương theo Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc); Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (viết tắt là Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày

04/3/2022 của Bộ Tài chính).

b) Nguồn ngân sách địa phương bố trí tối thiểu theo quy định tại điều 4 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (viết tắt là Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh) và nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện lồng ghép Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025.

c) Nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (viết tắt là Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ);

d) Nguồn lồng ghép hỗ trợ xây dựng nhà ở từ quỹ vận động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và nguồn vận động hợp pháp khác theo quy định.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến năm 2025.

IV. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT:

a) Đối tượng thụ hưởng:

Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ dân tộc Kinh nghèo sinh sống ở xã, ấp, sóc đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và MN chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa có nhà vệ sinh; chưa có điện sinh hoạt; Ưu tiên hộ nghèo DTTS thuộc danh sách các dân tộc, còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

b) Nội dung:

Thực hiện theo điểm c khoản 1 mục III của Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 4/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và các nội dung chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh trong Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS (từ năm 2023 đến năm 2025) như: Xây dựng nhà ở, hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh, kéo điện sinh hoạt.

2. DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÀ NHỮNG NƠI CẦN THIẾT.

a) Đối tượng, địa bàn áp dụng:

Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư; hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, ấp, sóc đặc biệt khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn; hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến

sinh sống tại các điểm bố trí dân cư tập trung theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước; xã, ấp, sóc đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung:

Thực hiện theo điểm c khoản 2 mục III của Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

3. DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

a) Tiểu Dự án 1:

Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

Đối tượng và nội dung thực hiện:

Theo điểm a, khoản 3 mục III của Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

b) Tiểu dự án 2:

Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Nội dung số 1:

Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Nội dung số 2:

Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS & MN.

+ Đối tượng và nội dung thực hiện:

Theo điểm b khoản 3 mục III Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

4. DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN

4.1. Tiểu dự án 1:

Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS

a) Phạm vi:

Các ấp, sóc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung:

- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn ĐBK. Thực hiện theo điểm a, khoản 4, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Nội dung số 02:

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng biên giới đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện theo điểm a, khoản 4, mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

5. DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

a) Tiểu dự án 1:

Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT), và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đối tượng và nội dung:

Thực hiện theo điểm a khoản 5 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiêu dự án 2:

Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS.

- Đối tượng và nội dung thực hiện: Thực hiện theo điểm b khoản 5 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

c) Tiêu dự án 3:

Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối tượng và nội dung thực hiện:

Theo điểm c, khoản 5, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Tiêu dự án 4:

Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Đối tượng và nội dung thực hiện:

Theo điểm d khoản 5 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

6. DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Đối tượng và nội dung thực hiện:

Theo khoản 6 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

7. DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM:

Đối tượng và nội dung thực hiện:

Theo khoản 7 mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

8. DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

Đối tượng và nội dung thực hiện:

Thực hiện theo Khoản 8 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 96/KH-ĐCT ngày 3/8/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

9. DỰ ÁN 9: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI VÀ NHÓM DÂN TỘC CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN; GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN:

a) Tiểu dự án 1:

Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù Đối tượng, phạm vi và nội dung: Thực hiện theo Điểm a Khoản 9 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 4/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b) Tiểu dự án 2:

Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và MN.

Đối tượng và nội dung thực hiện:

Theo Điểm b Khoản 9 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 4/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

10. DỰ ÁN 10. TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI; KIỂM TRA GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

a) Tiểu dự án 1:

Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030:

- Nội dung 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín:

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số:

- Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS và MN.

+ Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo điểm a khoản 10 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiểu dự án 2:

Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN.

- Đối tượng và nội dung:

Thực hiện theo điểm b khoản 10 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tiểu dự án 3:

Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình:

- Đối tượng và nội dung:

Thực hiện theo điểm c khoản 10 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

V. GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu của Chương trình sâu rộng đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư và người dân tộc thiểu số nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người dân tộc thiểu số, nhất là hộ nghèo, cận nghèo là đồng bào DTTS.

2. Từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách địa phương đối ứng, nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội và huy động hợp pháp khác theo quy định; thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; tập trung cho các xã, ấp, sóc đặc biệt khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách nói chung và các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với Chương trình giảm hộ nghèo đồng bào DTTS của tỉnh;

Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các xã đặc biệt khó khăn, ấp, sóc đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

5. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chức danh Dân tộc-Tôn giáo: chủ trì, phối hợp với các ban ngành liên quan tham mưu UBND xã tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định.

Rà soát, Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi phòng Dân tộc tổng hợp chung và các Cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình theo quy định;

Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo định kỳ, đột xuất;

2. Chức danh giảm nghèo: Tham mưu UBND xã thực hiện lồng ghép nguồn vốn Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS với các chương trình, dự án khác được đầu tư trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

3. Công chức Nông nghiệp xã tham mưu UBND xã thực hiện lồng ghép nguồn vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới với các chương trình, dự án khác được đầu tư trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

4. Công chức Tài chính - Kế toán:

Tham mưu UBND xã phân bổ, bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý, thực hiện Chương trình, dự án, đồng thời thực hiện thẩm định, quyết toán theo quy định.

5. Đoàn thể nhận ủy thác Ngân hàng Chính sách Xã hội xã:

Chủ trì, phối hợp với chức danh dân tộc, giảm nghèo và các ngành có liên quan đề xuất cơ chế, giải pháp bảo đảm huy động đủ mức vốn tín dụng chính sách tối thiểu đã được Chính phủ chỉ đạo theo quy định để thực hiện nhiệm vụ Chương trình đề ra.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã tham gia thực hiện giám sát, phản biện xã hội, hướng dẫn lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

7. Các ngành khác liên quan

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các Chương trình mục tiêu, dự án khác được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo. Công chức VHXXH, đài truyền thanh xã có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

8. Trưởng các ấp

Phối hợp triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn xã.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, đề nghị ban ngành phản ánh về chức danh dân tộc-tôn giáo để tổng hợp báo cáo UBND xã xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- BCD CTMTQGXDNTM huyện;
- Đảng ủy-HĐND xã;
- Thành viên BCD xã;
- Lưu: VT.

**TM. BCD CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÃ
TRƯỞNG BAN**

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Linh